

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 138/QĐ-CDKNII ngày 20 tháng 08 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ II)

Tên nghề : HÀN
Mã nghề : 6520123
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học phổ thông
Thời gian khóa học : 2,5 năm (5 học kỳ)
Bằng cấp sau tốt nghiệp: Cao đẳng - Danh hiệu Kỹ sư thực hành

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề

Hàn trình độ cao đẳng là nghề mà người hành nghề thực hiện các công việc ghép nối các chi tiết kim loại thành một liên kết liền khối, không thể tháo rời, bằng cách sử dụng nguồn nhiệt, áp lực hoặc cả nguồn nhiệt và áp lực, có sử dụng hoặc không sử dụng kim loại phụ, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Quá trình hàn thường sử dụng sự nung nóng cục bộ nên xuất hiện ứng suất và biến dạng; thiết bị dùng trong nghề hàn có thể sử dụng các dạng năng lượng như: điện năng, quang năng, hóa năng, nhiên liệu, cơ năng, động năng, dao động siêu âm.... Quá trình hàn có thể được thực hiện bằng tay, bán tự động hoặc tự động.

Mỗi hàn được thực hiện ở tất cả các tư thế trong không gian, công việc hàn có thể thực hiện tại xưởng, tại công trường hoặc trực tiếp trên kết cấu đang lắp ghép. Gia công các sản phẩm bằng quá trình hàn có nhiều lợi thế so với nhiều quá trình gia công cơ khí khác, hàn có thể thực hiện liên kết tất cả các kim loại, hợp kim, có thể thực hiện liên kết hai kim loại khác nhau vì thế các sản phẩm gia công bằng hàn tương đối thấp, mang lại

hiệu quả kinh tế cao. Trong thời kỳ hiện nay thiết bị hàn được tự động hóa nhiều, vật liệu và công nghệ hàn cũng tiên tiến hơn giảm thiểu tối đa sức lao động, người lao động hàn đang và sẽ có được nhiều lợi ích trong công việc.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

- Có kiến thức cơ bản về Triết học Mác –Lênin, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Nắm được cơ bản quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;
- Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;
- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng - An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc;
- Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất; tiếp cận được với cách mạng công nghiệp 4.0.
- Có kiến thức và vận dụng được trong việc thiết kế, chế tạo các thiết bị cơ khí ở các hạng mục của ngành công nghiệp: Nâng chuyển thiết bị, Chế tạo bồn bể trong công nghiệp; Chế tạo băng tải, Chế tạo hệ thống thông gió; Chế tạo kết cấu thang máy; Chế tạo các hệ thống điều chế hóa chất. Người học có khả năng vận hành máy điều khiển thiết bị hàn tự động trong công nghiệp.

2.2 Mục tiêu cụ thể:

□ Kiến thức:

- Giải thích được các vị trí hàn (1G, 2G, 3G, 4G, 1F, 2F, 3F, 4F, 5G, 6G, 6GR);
- Trình bày được phạm vi ứng dụng của các phương pháp hàn (SMAW, MIG/MAG, SAW, TIG);
- Trình bày được nguyên lý, cấu tạo và vận hành thiết bị hàn (SMAW, MIG/MAG, SAW, TIG);
- Vận dụng được quy trình hàn áp dụng vào thực tế của sản xuất;

- Trình bày được các khuyết tật của mỗi hàn (SMAW, MIG/MAG, SAW, TIG) nguyên nhân và biện pháp đề phòng;
 - Trình bày và giải thích được quy trình hàn, chọn được vật liệu hàn, áp dụng vào thực tế của sản xuất;
 - Thiết lập một quy trình hàn đơn giản.
 - Phân tích được quy trình kiểm tra ngoại dạng mỗi hàn theo tiêu chuẩn Quốc tế (AWS);
 - Giải thích được các ký hiệu vật liệu hàn, vật liệu cơ bản;
 - Trình bày các biện pháp an toàn phòng cháy, chống nổ và cấp cứu người khi bị tai nạn xảy ra, an toàn lao động.
 - Giải thích được các ký hiệu vật liệu hàn, vật liệu cơ bản;
 - Tính toán được chế độ hàn thích hợp khi thực hiện các nhiệm vụ, công việc hàn cụ thể;
 - Xác định được các ký hiệu mỗi hàn, phương pháp hàn trên bản vẽ tiêu chuẩn kỹ thuật với trình độ Anh văn chuyên ngành;
 - Trình bày được nguyên lý, vận hành máy xử lý nhiệt của mỗi hàn;
 - Phân tích, tổng hợp, đánh giá tiến độ thi công, ứng xử, giao tiếp;
- **Kỹ năng:**
- Chế tạo được phôi hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ bằng mỏ cắt khí bằng tay, máy cắt khí con rùa, máy cắt Plasma, máy cắt lưỡi thẳng, máy chấn, máy uốn.
 - Lựa chọn được các loại vật tư, thiết bị phù hợp với yêu cầu chế tạo.
 - Vận hành được các thiết bị cơ khí, thiết kế, gia công các chi tiết cơ khí ở các mức độ khác nhau.
 - Gá lắp được các kết hàn theo các vị trí khác nhau theo yêu cầu kỹ thuật;
 - Vận hành, điều chỉnh được chế độ hàn trên máy hàn (SMAW, MIG/MAG, SAW, TIG);
 - Đấu nối được thiết bị hàn (SMAW, MAG/MIG, TIG) một cách thành thạo;
 - Chọn được chế độ hàn hợp lý cho các phương pháp hàn (SMAW, MIG/MAG, SAW, TIG);

- Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn Hồ quang tay (SMAW), có kết cấu đơn giản đến phức tạp, như mối hàn góc (1F – 4F), mối hàn giáp mối từ (1G – 4G), mối hàn ống từ vị trí hàn (1G, 2G, 5G, 6G) của thép các bon thường, có chất lượng mối hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ;
- Hàn được các mối hàn MIG/MAG vị trí hàn 1F - 3F, 1G - 4G đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- Hàn được các mối hàn TIG căn bản, nâng cao;
- Hàn được các mối hàn SAW vị trí 1F, 2F, 1G đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- Sửa chữa được các mối hàn bị sai hỏng, biết nguyên nhân và biện pháp khắc phục hay đề phòng;

□ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, sáng tạo ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, giải quyết các tình huống kỹ thuật phức tạp trong thực tế;
- Hướng dẫn, giám sát những thợ bậc thấp hơn thực hiện công việc đã định sẵn theo sự phân công;
- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp nhằm tạo điều kiện sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn;
- Đánh giá hoạt động của cá nhân và kết quả thực hiện của nhóm;
- Quản lý, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện công việc của cá nhân, tổ, nhóm lao động.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Hàn kết cấu;
- Hàn ống công nghệ;
- Hàn hơi;
- Hàn đặc biệt;
- Quản lý, giám sát chất lượng hàn;

- Đảm bảo chất lượng hàn.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, môđun chuyên ngành : 1995 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 711 giờ ; thực hành, thực tập, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 1657 giờ; kiểm tra: 62 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực	
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)		
	1	NLCB - 01	Anh văn cơ bản
	2	NLCB - 02	Tin học cơ bản
	3	NLCB - 03	Kỹ năng giao tiếp
	4	NLCB - 04	Kỹ năng thuyết trình
5	NLCB - 05	Kỹ năng làm việc nhóm	
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
	6	NLCL – 01	Đọc bản vẽ chi tiết
	7	NLCL – 02	Đọc bản vẽ lắp ráp
	8	NLCL – 03	Vẽ bản vẽ lắp 2D và 3D
	10	NLCL – 04	Gia công tạo phôi
	11	NLCL – 05	Sử dụng dụng đo
	12	NLCL – 06	Sử dụng dụng cụ tháo lắp
	13	NLCL – 07	Quy trình Hàn
	14	NLCL – 08	Gia công trên máy tiện vạn năng
	15	NLCL – 09	Gia công trên máy phay vạn năng
	16	NLCL – 10	Hàn que

17	NLCL – 11	Hàn TIG- MAG
18	NLCL – 12	Sử dụng robot hàn
19	NLCL – 13	Sử dụng dụng cụ, thiết bị sửa chữa
20	NLCL – 13	Sửa chữa chi tiết máy
III	Năng lực nâng cao	
21	NLNC – 01	Thiết kế chi tiết máy
22	NLNC – 04	Lập trình robot hàn
23	NLNC - 05	Lắp ráp hoàn thiện máy
24	NLNC - 06	Lập kế hoạch bảo trì máy và thiết bị

6. Nội Dung Chương Trình

Mã MH/MĐ	TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	256	22
601900901	Giáo dục chính trị	05	75	41	29	05
601900902	Pháp luật	02	30	18	10	02
601900903	Giáo dục thể chất	02	60	05	51	04
601900904	Giáo dục quốc phòng và an ninh	03	75	36	36	03
601900905	Tin học	03	75	15	58	02
601900906	Tiếng anh	04	120	42	72	06
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	81	1995	554	1401	40

Mã MH/MĐ	TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
II. 1	Môn học, mô đun cơ sở	10	195	99	88	8
602410807	Vẽ kỹ thuật	03	75	15	58	02
602410908	Cơ học ứng dụng	02	30	28	00	02
602410909	Autocad	03	60	28	30	02
602410910	Tổ chức quản lý sản xuất	02	30	28	00	02
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	66	1680	425	1225	30
602410911	Dung sai - Kỹ Thuật đo	03	60	28	30	02
602410912	Vật liệu cơ khí	02	30	28	00	02
602410913	Nguyên lý - Chi tiết máy	02	30	28	00	02
602410914	Khai triển hình gò	03	60	28	30	02
602410815	Hàn cơ bản	05	120	30	88	02
602410816	Gia công cơ khí	04	90	30	58	02
602410817	Phay CNC	02	45	15	28	02
602410918	Quy trình hàn	02	45	13	30	02
602410819	Gia công nguội & Lắp ráp	05	120	30	88	02

Mã MH/MĐ	TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
602410820	Chế tạo băng tải	05	120	30	88	02
602410821	Chế tạo lan can cầu thang	05	120	30	88	02
602410822	Chế tạo khung nhà công nghiệp	05	120	30	88	02
602410823	Chế tạo bồn bể	05	120	30	88	02
602410824	Hàn ống công nghệ	05	120	30	88	02
602410825	Kiểm tra chất lượng môi hàn	03	60	30	28	02
602410826	Thực tập tốt nghiệp	10	420	15	405	00
III.3	Môn học môđun tự chọn	05	120	30	88	02
II.3.1	Tự chọn 1 (Học môn thay thế đồ án tốt nghiệp)					
602410827	Hàn nâng cao	05	120	30	88	02
II.3.2	Tự chọn 2 Làm đồ án tốt nghiệp					
602428828	Làm đồ án tốt nghiệp	05	120	30	88	02
Tổng cộng		100	2430	711	1657	62

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc;

Các môn học chung được thực hiện theo quy định hiện hành. Hình thức giảng dạy các môn học giáo dục chính trị, pháp luật, tin học được áp dụng đào tạo hình thức kết hợp trực tuyến - trực tiếp hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến, gồm:

- Giáo dục chính trị - theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.
- Pháp luật - theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Giáo dục thể chất - theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Giáo dục quốc phòng và an ninh - theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Tin học - theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Tiếng anh - theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa;

Căn cứ vào điều kiện cụ thể tổ chức hoạt động ngoại khoá, các hoạt động ngoại khoá được tổ chức theo từng mô đun phù hợp với nội dung đào tạo vào các học kỳ hoặc từng sự kiện trong năm của nhà trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Các hoạt động thể dục, thể thao.	Ngoài giờ học lý thuyết, thực hành và thực tập.
2	Văn hoá, văn nghệ. Qua các phương tiện thông tin đại chúng và sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày. Trong các sự kiện của Nhà trường như: Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, các giải cấp trường, ...
3	Hoạt động thư viện.	

	Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần.
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể.	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật hoặc vào các dịp lễ, đặc biệt của Đoàn, Đảng, Nhà Trường.
5	Để giáo dục truyền thống dân tộc, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội Trường tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.	Mỗi học kỳ.
6	Để học sinh, sinh viên có nhận thức đủ về nghề nghiệp đang theo học, Khoa/Trường tổ chức bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất.	Mỗi học kỳ hoặc theo nội dung từng môn học và điều kiện cụ thể.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun;

7.3.1. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ môn học, mô đun;

- Do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức tự luận, viết, vấn đáp, tiểu luận, thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;
- Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và được Hiệu trưởng quyết định;
- Mỗi một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. **Môn học lý thuyết 15 tiết/1 điểm kiểm tra; Môn học thực hành hoặc tích hợp**

từ 30-45 tiết/1 điểm kiểm tra. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

7.3.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun;

- Đề thi kết thúc môn được bộ phận khảo thí in ấn, nhân bản đảm bảo số lượng cho người học dự kiểm tra kết thúc môn học (theo mã đề đã được xác định).
- Trước giờ kiểm tra kết thúc môn học giảng viên/giáo viên coi thi kết thúc môn nhận đề thi kết thúc môn tại bộ phận khảo thí và tiến hành các thủ tục thi kết thúc môn học theo quy định.
- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy định trong tiến độ đào tạo đã phê duyệt theo từng năm học;
- Trước khi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, giảng viên bộ môn phải nhập điểm trên phần mềm đào tạo đủ số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên;
- Sau khi kết thúc môn học/mô đun 01 tuần, giảng viên/giáo viên giảng dạy phải hoàn tất nhập điểm trên phần mềm và nộp kết quả điểm về phòng đào tạo.

7.4. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo nghề đã đăng ký học tập và các điều kiện hoàn thành học phí, hồ sơ đầu vào, điểm rèn luyện học tập của khóa học.
- Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học tập các môn học, mô đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp **không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình đào tạo cao đẳng đăng ký học tập**, không bao gồm thời gian bảo lưu.
- **Người học được chọn hai hình thức dự thi tốt nghiệp hoặc làm đồ án tốt nghiệp.**
- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: **Lý thuyết chuyên môn; Thực hành.**

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết, trắc nghiệm	Không quá 180 phút.
2	Thực hành	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ.

- Nội dung thực hiện đồ án tốt nghiệp: Được thực hiện dưới sự hướng dẫn của Giảng viên và trong thời gian thực tập tốt nghiệp. Thời gian 240 giờ/6 tín chỉ tương đương khoảng 6 tuần.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp hoặc kết quả bảo vệ khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

7.5. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ;

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo nghề đã đăng ký học tập và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học tập các môn học, mô đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp bảo đảm không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình đào tạo cao đẳng đăng ký học tập, không bao gồm thời gian bảo lưu.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định.

7.6. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến;

- Đào tạo trực tuyến là hình thức dạy học cho phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên môi trường internet để thay thế việc dạy học trực tiếp tại các địa điểm đào tạo của nhà trường.

- Thời gian giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến được thực hiện linh hoạt tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của từng trường, do hiệu trưởng quyết định.

8. Tài liệu tham khảo:

- Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 về Quy định qui trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 về Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội qui định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;
- Thông tư 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/06/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư số 47/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật cơ khí;
- Quyết định số 73/QĐ-CĐKNII ngày 04/06/2024 Ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS: Bùi Văn Hưng